

Txeru

Jesus Guridi (1886-1961)

Adapt. pour voix mixtes : FS

Édition du 01/07/2021

$\text{♩.} = 84$

S. A. T. B.

8 9 10 11 12 13

ba-leuko al - buan. Txe-ru! *mp* Do - min - gi - lu-a lai rai

tze-lan da - go. Txe-ru! *mp* Do - min - gi - lu-a lai rai

tze-lan da - go. Txe-ru! *f* Ar-ta - ka-ma-ra mo - txo - li-ñu-a Do-min - giHlu-a lai rai

tze-lan da - go. Txe-ru! *mp* Do - min - gi - lu-a lai rai

14 15 16 17 18 19

S. A. T. B.

Ion Do - min gi - lu-a lai rai lon *f* Txe-rukartze - landa-go

Ion Do - min gi - lu-a lai rai lon Txe - ru

Ion Ar-ta - ka-ma-ro mo - txo - li-ñu-a Do-min - giHlu-a lai rai lon *mp* Txe - ru

Ion Do - min gi - lu-a lai rai lon Txe - ru

$\text{♩.} = 54$ $\text{♩.} = 28$ $\text{♩.} = 60$

20 S. da-mi-akan - puan: 21 Txe-rugura leuke - la 22 ba-leuko al - buan. 23 Txe-ru!

A. kar - tze - lan, Txe - ru kar - tze-lan da - go. Txe-ru!

T. 8 kar - tze - lan, Txe - ru kar - tze-lan da - go. Txe-ru!

B. kar - tze - lan, Txe - ru kar - tze-lan da - go. Txe-ru!

24 S. d. = 92 Ar-ta - ka-ma-ra mo - txo - li-ñu-a Do-min - gi-lu-a lai rai lon Ar-ta - ka-ma-ra mo - txo - li-ñu-a dim.

A. f Do - min - gi - lu-a lai rai lon Do - min - gi - lu - a dim.

T. 8 f Do - min - gi - lu-a lai rai lon Do - min - gi - lu - a dim.

B. f Do - min - gi - lu-a lai rai lon Do - min - gi - lu - a

31 rall. 32 33 34 35 36

S. *mf*
 Do-min - gi-lu-a lai rai lon *f*
 rall. Txe - rukartze landa - go da-mi-akan - puan:

A. lai rai lon lai rai lon - Txe - ru
 rall.

T. lai rai lon lai rai lon - ru Txe -
 8

B. rall.
 lai rai lon lai rai lon *mf*
 Txe - ru

37 S. Txe - ru gu-ra leu-ke - la ba - leu-ko al - bu-an. rit. **Txe - ru!**

A. Txe - ru kar - tze - lan. rit. **Txe - ru!**

T. 8 ru Txe - ru kar - tze - lan. rit. **Txe - ru!**

B. Txe - ru kar - tze - lan. rit. **Txe - ru!**